

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ 1266
TƯƠNG LAI**

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ 1266 TƯƠNG LAI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: INVESTMENT AND COMMERCIAL
DEVELOPMENT JOINT STOCK COMPANY INTERNATIONAL FUTURE 1266

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 2301074552

3. Ngày thành lập: 24/12/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 07 đường chợ, khu đô thị Thuận Thành 3, Thị Trấn Hồ, Huyện Thuận Thành, Tỉnh
Bắc Ninh, Việt Nam

Điện thoại: 0912011459

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Khai thác muối	0893
2.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
3.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
4.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
5.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
6.	Khai thác quặng uranium và quặng thorium	0721
7.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
8.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	0891
9.	Trồng cây hàng năm khác	0119
10.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
11.	Phá dỡ	4311
12.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
13.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
14.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074(Chính)
15.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
16.	Chăn nuôi gia cầm	0146
17.	Truyền tải và phân phối điện	3512
18.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530
19.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
20.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620

21.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
22.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu hàng hóa do công ty kinh doanh	8299
23.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
24.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
25.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
26.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
27.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
28.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
29.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
30.	Khai thác thủy sản biển	0311
31.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0231
32.	Trồng cây lâu năm khác	0129
33.	Sản xuất khí đốt, phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống	3520
34.	Xây dựng nhà không để ở	4102
35.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
36.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
37.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
38.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
39.	Xây dựng công trình điện	4221
40.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
41.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
42.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
43.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
44.	Bán buôn thực phẩm	4632
45.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
46.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
47.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
48.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
49.	Khai thác thủy sản nội địa	0312
50.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
51.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0722
52.	Khai thác quặng kim loại quý hiếm	0730
53.	Khai thác và thu gom than bùn	0892
54.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
55.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
56.	Trồng cây mía	0114

57.	Trồng cây thuốc lá, thuốc Lào	0115
58.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
59.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
60.	Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hoá chất khác dùng trong nông nghiệp	2021
61.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
62.	Sản xuất điện	3511
63.	Xây dựng công trình thủy	4291
64.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
65.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
66.	Trồng cây lấy sợi	0116
67.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
68.	Khai thác và thu gom than non	0520
69.	Khai thác quặng sắt	0710
70.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
71.	Xây dựng nhà để ở	4101
72.	Bán buôn đồ uống	4633
73.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
74.	Trồng lúa	0111
75.	Bốc xếp hàng hóa	5224
76.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
77.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
78.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
79.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
80.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
81.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
82.	Trồng cây ăn quả	0121
83.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
84.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
85.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ương giống cây lâm nghiệp	0210
86.	Khai thác gỗ	0220

6. Vốn điều lệ: 1.000.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	ĐỖ MINH TÚC	Số 29, đường Nguyễn Văn Trỗi, phố Hùng Vương, Phường Sao Đỏ, Thị xã Chí Linh, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	20.000.000	200.000.000.000	20,000	036076006739	
			Tổng số	20.000.000	200.000.000.000	20,000		
2	NGUYỄN BÌNH ĐÔNG	Số 23/37 Đinh Tiên Hoàng, Phường 3, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	20.000.000	200.000.000.000	20,000	079065005681	
			Tổng số	20.000.000	200.000.000.000	20,000		
3	NGUYỄN HUY HÙNG	Số 28, ngách 61/17, đường Phùng Chí Kiên, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	20.000.000	200.000.000.000	20,000	024076000165	
			Tổng số	20.000.000	200.000.000.000	20,000		
4	NGUYỄN HUY HOÀNG	Số 55 Thuộc Bắc, Phường Hàng Bồ, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	20.000.000	200.000.000.000	20,000	011542200	
			Tổng số	20.000.000	200.000.000.000	20,000		
5	ĐINH VĂN THỨC	Thôn Bến Hàn, Xã Thượng Đạt, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	20.000.000	200.000.000.000	20,000	B3506411	
			Tổng số	20.000.000	200.000.000.000	20,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: ĐINH VĂN THỨC

Giới tính: Nam

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 20/08/1960

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Hộ chiếu Việt Nam*

Số giấy chứng thực cá nhân: B3506411

Ngày cấp: 25/11/2009

Nơi cấp: *Cục quản lý xuất nhập cảnh*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn Bến Hàn, Xã Thượng Đạt, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Thôn Bến Hàn, Xã Thượng Đạt, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Ninh